

Số: **76/2020/QĐST-HNGĐ**

Đông Hòa, ngày 08 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, về việc “Xin ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà A – Sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Khu phố PL, phường N, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Ông B – Sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Khu phố PL, phường N, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Địa chỉ: Số XYZ, phố LĐ, quận M, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông H – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ, tỉnh Phú Yên (theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2029 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà A với ông B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao 01 con chung C - sinh ngày: 03/3/2014 cho bà A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà A thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ, tỉnh Phú Yên số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*), số tiền lãi đến ngày 29/5/2020 là 179.000 (*Một trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) và lãi suất theo hợp đồng mà bà A, ông B đã xác lập với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đ, tỉnh Phú Yên cho đến thời điểm trả hết nợ.

2.4. Về án phí: Bà A tự nguyện chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.054.000đ án phí dân sự sơ thẩm (do hòa giải thành chỉ phải chịu 50% án phí), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003432 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa (nay là thị xã Đông Hòa) nên bà A còn phải nộp 904.000đ (*Chín trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Duyên